

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán thực hiện dự án, nhiệm vụ
môi trường năm 2022 của Sở Xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính “hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ; dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Xây dựng để thực hiện Đề án nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2019-2022 (có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Trưởng phòng thuộc Sở và kế toán Sở Xây dựng tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Như điều 3 (t/hiện);
- Lưu VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Xuân Điệp

Biểu số 2
Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG Q.NINH

Chương: 419



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1718/QĐ-SXD ngày 17/5/2022 của của Sở Xây dựng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	58.626.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	58.626.000